

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	PHẠM GIA	KHÁNH	005 / 000113	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,00	
2	ĐÀM KHÁNH	NAM	007 / 000157	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,50	
3	HOÀNG ĐỨC	DŨNG	002 / 000033	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,25	
4	NGUYỄN QUỐC AN	AN	001 / 000002	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,00	
5	NGUYỄN HOÀNG HẢI	NAM	007 / 000158	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,00	
6	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	DŨNG	002 / 000036	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,75	
7	NGUYỄN QUANG ĐẠT	ĐẠT	003 / 000057	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,75	
8	ĐINH GIA HUY	HUY	004 / 000094	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,75	
9	PHẠM HOÀNG HUY	HUY	005 / 000097	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,75	
10	TỔNG THANH TÙNG	TÙNG	010 / 000222	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,75	
11	TRƯỜNG NGỌC LƯƠNG	LƯƠNG	141 / 003163	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	7,75	
12	PHẠM SƠN TÙNG	TÙNG	144 / 003235	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,75	
13	PHẠM NGUYỄN HÙNG	HÙNG	139 / 003138	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,50	
14	HOÀNG MINH TRÍ	TRÍ	010 / 000214	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,25	
15	VƯƠNG ĐỨC CHÍNH	CHÍNH	137 / 003081	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	7,25	
16	TRẦN LÊ NGỌC MINH	MINH	141 / 003177	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,25	
17	NGUYỄN VŨ HOÀNG ANH	ANH	136 / 003057	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,10	
18	VŨ MINH HIỂN	HIỂN	004 / 000081	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	7,00	
19	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	ĐẠT	138 / 003101	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,00	
20	LÊ PHÚC MINH	MINH	141 / 003170	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	7,00	
21	ĐẶNG VŨ PHÚC	PHÚC	142 / 003190	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,00	
22	NGUYỄN VŨ MINH	MINH	007 / 000146	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,75	
23	NGUYỄN VŨ TUẤN	MINH	007 / 000147	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	6,75	
24	TẠ LÂM PHONG	PHONG	008 / 000175	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	6,75	
25	VŨ KHẮC TÚ	TÚ	010 / 000218	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	6,75	
26	PHẠM THỊ THANH THẢO	THẢO	143 / 003214	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,75	
27	NGUYỄN NAM HẢI	HẢI	004 / 000076	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,50	
28	LƯU ĐỖ BÌNH MINH	MINH	006 / 000139	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	6,50	
29	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	THẢO	009 / 000199	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	6,50	
30	PHẠM ĐỨC BẢO AN	AN	136 / 003045	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	6,50	
31	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	DƯƠNG	138 / 003096	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,50	
32	VŨ MINH KHÔI	KHÔI	140 / 003145	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	6,50	
33	PHẠM QUÝ QUÂN	QUÂN	142 / 003200	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	6,50	
34	TRỊNH ĐỨC ANH THÁI	THÁI	142 / 003207	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	6,50	
35	NGUYỄN MINH NHÂN	NHÂN	008 / 000169	PT Hermann Gmeiner	P. ĐÔNG HẢI	6,35	
36	HOÀNG KHÁNH HÀ	HÀ	138 / 003112	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	6,35	
37	NGÔ TÙNG DƯƠNG	DƯƠNG	002 / 000048	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	6,25	
38	BÙI QUỐC KỶ	KỶ	005 / 000119	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	6,25	
39	BÙI QUỲNH ANH	ANH	136 / 003046	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,25	
40	VŨ HOÀNG LONG	LONG	140 / 003158	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	6,25	
41	LƯƠNG VĂN NHẬT QUANG	QUANG	142 / 003195	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	6,25	
42	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	VIỆT	144 / 003243	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	6,25	
43	NGUYỄN MINH QUÂN	QUÂN	009 / 000190	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	6,10	
44	NGUYỄN TUẤN DŨNG	DŨNG	002 / 000039	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	6,00	
45	NGUYỄN HẢI SƠN	SƠN	009 / 000192	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,00	
46	NGUYỄN DUY ANH	ANH	136 / 003050	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	6,00	
47	VŨ XUÂN BẢO	BẢO	137 / 003073	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	6,00	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	NGUYỄN ĐỨC	HUY	139 / 003134	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	6,00	
49	NGUYỄN MINH	TUẤN	144 / 003233	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,00	
50	TRẦN DƯƠNG PHÚ	BÌNH	001 / 000022	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,75	
51	TRẦN ANH	DŨNG	002 / 000043	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	5,75	
52	LIU	ĐIỂM	003 / 000063	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	5,75	
53	LƯƠNG HOÀNG	HẢI	004 / 000074	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYÊN	5,75	
54	ĐẶNG ĐỨC	MINH	006 / 000137	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,75	
55	NGUYỄN THI MINH	NGHĨA	007 / 000162	THCS Đoàn Lập	X. TÂN MINH	5,75	
56	CAO ĐỖ HOÀNG	PHÚC	008 / 000179	THCS Đại Hà	X. KIẾN HUNG	5,75	
57	TRẦN ĐỨC	PHÚC	008 / 000181	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIẾN	5,75	
58	BÙI PHÚ	QUANG	008 / 000187	THCS An Hòa	P. AN PHONG	5,75	
59	NGUYỄN HẢI	THÀNH	009 / 000195	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,75	
60	NGUYỄN THẾ TÀI	VƯỢNG	010 / 000228	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	5,75	
61	PHẠM ĐỨC	HÀO	139 / 003117	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	5,75	
62	ĐOÀN HỒNG	PHÚC	142 / 003191	THCS Tam Kỳ	X. KIM THÀNH	5,75	
63	ĐÀO BÌNH	PHƯƠNG	142 / 003193	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	5,75	
64	TRẦN ĐỨC	HUY	005 / 000098	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,60	
65	DƯƠNG TUẤN	ANH	001 / 000006	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIẾN	5,50	
66	NGUYỄN VĂN TRUNG	DŨNG	002 / 000040	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	5,50	
67	PHẠM MINH	ĐẠT	003 / 000059	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	5,50	
68	NGÔ BẢO	LONG	006 / 000130	THCS Vạn Sơn	P. ĐỒ SƠN	5,50	
69	ĐỖ TIẾN	LỘC	006 / 000132	THCS Tiên Minh	X. TIÊN MINH	5,50	
70	DƯƠNG PHẠM MINH	PHONG	008 / 000174	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,50	
71	TRẦN THỊ THU	TRANG	010 / 000212	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	5,50	
72	NGUYỄN VIỆT	TUẤN	010 / 000219	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	5,50	
73	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	136 / 003053	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	5,50	
74	TRẦN HẢI	ANH	136 / 003064	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	5,50	
75	VŨ TẤT	ĐẠT	138 / 003102	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,50	
76	NGUYỄN QUÝ	ĐỨC	138 / 003110	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	5,50	
77	BÙI HỮU	HIẾU	139 / 003120	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,50	
78	NGUYỄN GIA	LONG	140 / 003155	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,50	
79	BÙI DUY	LUÂN	140 / 003159	THCS Lai Vu	X. LAI KHÊ	5,50	
80	PHẠM CÔNG	THỊNH	143 / 003219	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	5,50	
81	TRẦN VIỆT	DŨNG	002 / 000044	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	5,35	
82	ĐÀO TRỌNG	KHANG	005 / 000109	THCS Tam Cường	X. VINH AM	5,35	
83	BÙI LÂM	VŨ	144 / 003247	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	5,35	
84	BÙI MAI	ANH	001 / 000005	THCS Đại Hà	X. KIẾN HUNG	5,25	
85	ĐINH ĐỨC	ANH	001 / 000007	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	5,25	
86	ĐỖ THẾ	CƯỜNG	002 / 000026	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,25	
87	ĐINH NGỌC	HÀ	003 / 000070	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	5,25	
88	NGUYỄN TRỊNH MINH	HIỂN	004 / 000080	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	5,25	
89	LÊ MINH	HIẾU	004 / 000084	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	5,25	
90	LÂM GIA	HUY	004 / 000096	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,25	
91	TRẦN ĐỨC	HUY	005 / 000099	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,25	
92	ĐÀO MINH	KHANG	005 / 000108	THCS Đăng Hải	P. HẢI AN	5,25	
93	LƯƠNG TUẤN	KHOA	005 / 000114	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	5,25	
94	TRẦN MAI	PHƯƠNG	008 / 000185	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	5,25	
95	PHẠM VĂN	QUANG	009 / 000189	THCS Tam Cường	X. VINH AM	5,25	
96	ĐỖ ANH	VŨ	010 / 000226	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIẾN	5,25	
97	VŨ LÊ CHÍ	DŨNG	137 / 003088	THCS Thanh Quang	X. HÀ ĐÔNG	5,25	
98	VŨ TUẤN	ĐẠT	138 / 003103	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,25	
99	LIU PHƯƠNG	HIỂN	139 / 003119	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,25	
100	TIÊU TRUNG	HIẾU	139 / 003123	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	5,25	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	ĐÀO VĂN	HUY	139 / 003130	THCS Hiệp Lực	X. NINH GIANG	5,25	
102	VŨ HOÀNG	THÁI	142 / 003208	THCS Tân Trào	X. HẢI HUNG	5,25	
103	NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	143 / 003211	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,25	
104	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	143 / 003213	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	5,25	
105	LÊ QUANG	TRUNG	143 / 003230	THCS Tiên Tiến	P. NAM ĐỒNG	5,25	
106	NGUYỄN KHÔI	VIỆT	144 / 003244	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,25	
107	HOÀNG GIA	BÁCH	001 / 000018	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	5,10	
108	ĐỖ ĐỨC	CUÔNG	002 / 000025	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	5,10	
109	BÙI MINH	HÙNG	004 / 000093	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	5,10	
110	NGUYỄN MINH	TOÀN	010 / 000210	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	5,10	
111	LÊ VIỆT	ANH	136 / 003048	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	5,10	
112	ĐỖ HUY	HUẤN	139 / 003128	THCS Hồng Khê	X. BÌNH GIANG	5,10	
113	NGUYỄN QUANG	MINH	141 / 003172	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	5,10	
114	LIU NGOC DANH	PHÚC	142 / 003192	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,10	
115	BÙI THẢO	VĂN	144 / 003242	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	5,10	
116	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	001 / 000012	THCS Cộng Hiền	X. VINH HẢI	5,00	
117	VŨ THỊ	HÀ	003 / 000072	THCS Dũng Tiến	X. VINH THUẬN	5,00	
118	MẠC TRUNG	HIẾU	004 / 000085	THCS Đằng Lâm	P. HẢI AN	5,00	
119	HOÀNG NGỌC	HOAN	004 / 000091	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYÊN	5,00	
120	NGUYỄN DUY	KHÁNH	005 / 000111	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	5,00	
121	BÙI THẾ	LÂM	005 / 000120	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYÊN	5,00	
122	ĐOÀN CHÍNH	LIÊM	006 / 000124	THCS Hồng Bằng	P. HỒNG BÀNG	5,00	
123	PHẠM BÌNH	MINH	007 / 000148	THCS Tiên Thanh	X. TIÊN LĂNG	5,00	
124	NGUYỄN THANH	THÚY	009 / 000206	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	5,00	
125	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	010 / 000216	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	5,00	
126	NGUYỄN NAM	VŨ	010 / 000227	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	5,00	
127	VŨ HỮU DUY	ANH	137 / 003067	THCS Minh Hòa	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	5,00	
128	ĐỒNG TỔ HỮU	ĐẠT	138 / 003098	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	5,00	
129	PHẠM NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	138 / 003104	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,00	
130	VŨ MẠNH	HẢI	139 / 003116	THCS&THPT Marie Curie	P. TÂN HUNG	5,00	
131	TÔ MINH	HÀNG	139 / 003118	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,00	
132	PHẠM THẢO	LINH	140 / 003153	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,00	
133	NGUYỄN BÙI NHẬT	MAI	141 / 003165	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	5,00	
134	ĐẶNG HOÀNG	MINH	141 / 003168	THCS Lê Lợi	X. YẾT KIỆU	5,00	
135	TRẦN THANH	PHONG	142 / 003189	THCS Phan Bội Châu	X. TƯ KỶ	5,00	
136	TẠ THANH	TÙNG	144 / 003237	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,00	
137	LÊ HÀ	LINH	006 / 000126	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIẾN	4,85	
138	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	138 / 003095	THCS Phan Bội Châu	X. TƯ KỶ	4,85	
139	NGUYỄN THÀNH	AN	001 / 000003	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	4,75	
140	LÊ THỊ HỒNG	ANH	001 / 000008	THCS Đằng Hải	P. HẢI AN	4,75	
141	PHẠM VIỆT	ANH	001 / 000014	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	4,75	
142	NGUYỄN HƯƠNG	DUNG	002 / 000029	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	4,75	
143	BÙI TIẾN	DŨNG	002 / 000031	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIẾN	4,75	
144	ĐỖ TẮT	ĐẠT	003 / 000054	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	4,75	
145	CAO XUÂN	LÂM	006 / 000121	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	4,75	
146	NGUYỄN MINH	TRỌNG	010 / 000215	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	4,75	
147	PHẠM PHƯƠNG	ANH	136 / 003060	THCS Thanh Giang	X. NAM THANH MIỆN	4,75	
148	PHẠM TUẤN	ANH	136 / 003062	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	4,75	
149	NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	137 / 003085	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	4,75	
150	DƯƠNG MINH	ĐỨC	138 / 003106	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	4,75	
151	LÊ QUYÊN	ĐỨC	138 / 003108	THCS Tân Bình	P. LÊ THANH NGHỊ	4,75	
152	ĐINH ĐỨC	HUY	139 / 003131	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	4,75	
153	ĐOÀN THANH	MINH	141 / 003169	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	4,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	NGUYỄN MINH	NHẬT	142 / 003188	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	4,75	
155	ĐỒNG ANH	QUÂN	142 / 003198	THCS Phú Thứ	P. NHỊ CHIẾU	4,75	
156	TRẦN THANH	THẢO	143 / 003215	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	4,75	
157	VŨ THỊ HOÀI	THU	143 / 003220	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	4,75	
158	VŨ ĐÌNH	TÙNG	144 / 003239	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	4,75	
159	VŨ HỮU QUANG	VINH	144 / 003246	THCS Ngũ Hùng	X. THANH MIỆN	4,75	
160	PHẠM ĐỨC	HIẾU	004 / 000088	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	4,60	
161	NGUYỄN THÀNH	HÙNG	005 / 000102	THCS Hồng Bằng	P. HỒNG BẰNG	4,60	
162	LÊ QUANG	THỊNH	009 / 000201	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	4,60	
163	ĐOÀN MINH	ANH	136 / 003047	THCS Ngũ Hùng	X. THANH MIỆN	4,60	
164	NGUYỄN NGỌC	HÀ	138 / 003113	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	4,60	
165	BÙI QUANG	HUY	139 / 003129	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	4,60	
166	TRẦN ĐỨC	KỶ	140 / 003148	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	4,60	
167	CAO TUẤN	TÚ	143 / 003232	THCS Đức Chính	X. TUỆ TÍNH	4,60	
168	TRẦN ĐỨC	ANH	001 / 000015	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIẾN	4,50	
169	NGUYỄN MINH	HIẾU	004 / 000086	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	4,50	
170	TRƯƠNG KIM	HIẾU	004 / 000090	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	4,50	
171	NGUYỄN PHÚC QUANG	MINH	006 / 000144	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	4,50	
172	PHẠM LƯƠNG	NGUYỄN	007 / 000166	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	4,50	
173	HOÀNG GIA	PHÚ	008 / 000176	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	4,50	
174	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	009 / 000202	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	4,50	
175	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	138 / 003111	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÉ	4,50	
176	HÀ NĂNG	HUY	139 / 003132	THCS Ninh Thành	X. VINH LAI	4,50	
177	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	140 / 003149	THCS Trần Phú	P. THÀNH ĐÔNG	4,50	
178	NGUYỄN TÙNG	LÂM	140 / 003150	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	4,50	
179	NGUYỄN MINH	QUANG	142 / 003196	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	4,50	
180	PHẠM QUANG	DŨNG	002 / 000041	THCS Tiên Phong-Vĩnh Phong	X. VINH HẢI	4,35	
181	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	007 / 000164	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	4,35	
182	PHẠM ĐỨC	TOÀN	010 / 000211	THCS Hồng Bằng	P. HỒNG BẰNG	4,35	
183	HOÀNG VĂN ĐẠI	DƯƠNG	138 / 003092	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	4,35	
184	LƯƠNG HOÀNG	HẢI	138 / 003114	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	4,35	
185	ĐỖ GIA	KHOA	140 / 003143	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	4,35	
186	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	SƠN	142 / 003202	THCS Thượng Quận	P. TRẦN LIẾU	4,35	
187	BÙI VĂN	THỊNH	143 / 003218	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	4,35	
188	TRẦN KHÁNH	CHI	001 / 000024	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,25	
189	TRẦN TUẤN	ĐẠT	003 / 000061	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	4,25	
190	NGUYỄN VĂN	ĐĂNG	003 / 000062	THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	4,25	
191	TRẦN GIA	HUY	005 / 000100	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	4,25	
192	ĐOÀN THANH	HƯƠNG	005 / 000105	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	4,25	
193	NGUYỄN VĂN NHÂN	KIỆT	005 / 000118	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	4,25	
194	NGUYỄN KHÁNH	LINH	006 / 000129	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIẾN	4,25	
195	ĐÌNH DUY QUANG	MINH	006 / 000138	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	4,25	
196	NGUYỄN GIA	PHÚ	008 / 000177	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	4,25	
197	NGUYỄN THỊ XUÂN	THẢO	009 / 000200	THCS Phục Lễ	P. NAM TRIỆU	4,25	
198	NGUYỄN THANH	THUẬN	009 / 000204	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	4,25	
199	PHẠM ĐỨC	ANH	136 / 003058	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	4,25	
200	VŨ NGỌC	HIẾU	139 / 003125	THCS Lê Hồng	X. BẮC THANH MIỆN	4,25	
201	PHẠM ĐĂNG	MINH	141 / 003174	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	4,25	
202	ĐÀO TRUNG	NGHĨA	141 / 003182	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	4,25	
203	MẠC THANH BẢO	NGỌC	141 / 003185	THCS Phú Thứ	P. NHỊ CHIẾU	4,25	
204	TRẦN MINH	NGUYỆT	142 / 003187	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	4,25	
205	PHẠM VIỆT	TRUNG	143 / 003231	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	4,25	
206	PHẠM XUÂN	TÙNG	144 / 003236	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	4,25	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	VŨ VĂN SONG	TÙNG	144 / 003240	THCS Tân Bình	P. LÊ THANH NGHỊ	4,25	
208	TRƯỜNG HOÀNG HÀ	ANH	001 / 000017	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	4,10	
209	BÙI THÀNH	ĐẠT	003 / 000053	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÊ	4,10	
210	NGÔ THỊ MAI	HƯƠNG	005 / 000106	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	4,10	
211	LÊ GIA	KHÁNH	005 / 000110	THCS Hợp Thành	P. LÊ ÍCH MỘC	4,10	
212	ĐOÀN VŨ AN	NHIÊN	008 / 000172	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	4,10	
213	BÙI GIA	PHÚC	008 / 000178	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	4,10	
214	BÙI ĐỨC VIỆT	BÌNH	137 / 003074	THCS Thái Dương	X. THUẬN HỒNG	4,10	
215	LƯƠNG ĐẠI	DƯƠNG	138 / 003094	THCS Lê Lợi	X. YẾT KIỆU	4,10	
216	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	140 / 003141	THCS Thanh Giang	X. NAM THANH MIỀN	4,10	
217	NGUYỄN KHÁNH	DUY	002 / 000046	THCS Anh Dũng	P. HÙNG ĐẠO	4,00	
218	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠT	003 / 000055	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	4,00	
219	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	003 / 000058	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	4,00	
220	NGUYỄN DUY	HẢI	004 / 000075	THCS Quang Phục	X. TIÊN MINH	4,00	
221	NGUYỄN VŨ HUY	KHÁNH	005 / 000112	THCS Đằng Lâm	P. HẢI AN	4,00	
222	PHẠM BÌNH	MINH	007 / 000149	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	4,00	
223	TRẦN QUANG	MINH	007 / 000150	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,00	
224	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	007 / 000155	THCS Đoàn Lập	X. TÂN MINH	4,00	
225	NGUYỄN QUANG	NGHỊ	007 / 000161	THCS Đằng Lâm	P. HẢI AN	4,00	
226	ĐÔNG VĂN	TRUNG	010 / 000217	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	X. AN HUNG	4,00	
227	NGUYỄN KIM TUẤN	ANH	136 / 003052	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THỪA DỤ	4,00	
228	ĐOÀN VŨ THÁI	BÌNH	137 / 003075	THCS Hưng Long	X. HỒNG CHÂU	4,00	
229	TẶNG THỊ MỸ	DUYÊN	138 / 003091	THCS Lai Vu	X. LAI KHÊ	4,00	
230	HỒ ĐÌNH ĐỨC	ĐỂ	138 / 003105	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÂN	4,00	
231	LÊ NGUYỄN MINH	ĐỨC	138 / 003107	THCS Nam Đồng	P. NAM ĐỒNG	4,00	
232	NGUYỄN THIÊN	THANH	142 / 003209	THCS Hồng Quang	X. BẮC THANH MIỀN	4,00	
233	PHẠM DUY TOÀN	THẮNG	143 / 003217	THCS An Phượng	X. HÀ TÂY	4,00	
234	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	143 / 003228	THCS Tam Kỳ	X. KIM THÀNH	4,00	
235	NGÔ HOÀNG	ANH	136 / 003049	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	3,95	
236	NGUYỄN VIỆT	ANH	136 / 003055	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	3,95	
237	NGUYỄN BẢO	LONG	140 / 003154	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	3,95	
238	CAO VIỆT	AN	001 / 000001	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYÊN	3,85	
239	LÂM PHÚ	CUỒNG	002 / 000027	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÊ	3,85	
240	PHẠM THUỶ	DƯƠNG	003 / 000049	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	3,85	
241	ĐẶNG AN	HẢI	004 / 000073	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	3,85	
242	NGUYỄN GIA	LINH	006 / 000128	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	3,85	
243	TRỊNH ĐỨC	NGHĨA	007 / 000163	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	3,85	
244	PHẠM GIA	NGUYỄN	007 / 000165	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	3,85	
245	VŨ VĂN	THÀNH	009 / 000196	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HƯNG	3,85	
246	NGUYỄN VŨ	BÁCH	137 / 003070	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	3,85	
247	TẠ ĐÀO MAI	CHI	137 / 003079	THCS Hồng Đức	X. TÂN AN	3,85	
248	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	138 / 003097	THCS Hoàng Tiến	P. TRẦN NHÂN TÔNG	3,85	
249	VI THỊ KHÁNH	HUYỀN	139 / 003136	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	3,85	
250	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	140 / 003146	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	3,85	
251	VŨ THÁI	DƯƠNG	003 / 000052	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	3,75	
252	ĐÌNH MINH	KHÔI	005 / 000115	THCS Vạn Sơn	P. ĐỒ SƠN	3,75	
253	NGUYỄN THÀNH	LÂM	006 / 000123	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	3,75	
254	MAI TUẤN	MINH	006 / 000140	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHỤ LIÊN	3,75	
255	VŨ GIA	MINH	007 / 000151	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	3,75	
256	NGUYỄN TRÀ	MY	007 / 000156	THCS Đồng Thái	P. AN HẢI	3,75	
257	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	007 / 000168	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	3,75	
258	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	008 / 000184	THCS Đồng Minh	X. VINH HẢI	3,75	
259	VŨ TRỌNG	TIẾN	010 / 000209	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	3,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	BÙI THANH	TÙNG	010 / 000220	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐẰNG	3,75	
261	HOÀNG BẢO	VIỆT	010 / 000223	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	3,75	
262	NGUYỄN THÀNH	VINH	010 / 000224	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐẰNG	3,75	
263	BÙI TRẦN THÁI	AN	136 / 003043	THCS Võ Thị Sáu	P. LÊ THANH NGHỊ	3,75	
264	NGUYỄN THỊ NHẬT	ANH	136 / 003054	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÉ	3,75	
265	NGUYỄN MAI	CHI	137 / 003077	THCS Văn Giang	X. HỒNG CHÂU	3,75	
266	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	139 / 003121	THCS Quang Trung	X. LẠC PHƯỢNG	3,75	
267	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	139 / 003122	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÉ	3,75	
268	NGUYỄN BÁCH	HUY	139 / 003133	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	3,75	
269	TRẦN KHÁNH	HUYỀN	139 / 003135	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	3,75	
270	PHẠM TUẤN	LONG	140 / 003157	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	3,75	
271	ĐẶNG GIA	UY	144 / 003241	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	3,75	
272	TRẦN NGỌC	MAI	006 / 000135	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	3,70	
273	NGUYỄN DANH MINH	QUÂN	142 / 003199	THCS&THPT Marie Curie	P. TÂN HUNG	3,70	
274	PHẠM VĂN BẢO	SON	142 / 003203	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	3,70	
275	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	001 / 000011	THCS Khởi Nghĩa	X. TIÊN LĂNG	3,60	
276	VŨ MẠNH	CUỒNG	002 / 000028	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÉ	3,60	
277	NGUYỄN LÊ TIẾN	ĐẠT	003 / 000056	THCS Tân Dương	P. THỦY NGUYỄN	3,60	
278	NGUYỄN MINH	ĐỨC	003 / 000066	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	3,60	
279	NGUYỄN MINH	HIẾU	004 / 000087	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	3,60	
280	ĐỖ GIA	HUY	004 / 000095	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	3,60	
281	NGUYỄN TUỆ	MINH	007 / 000145	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LĂNG	3,60	
282	NGUYỄN CHUNG GIA	PHÚC	008 / 000180	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	3,60	
283	NGUYỄN ĐỨC	BÁCH	137 / 003069	THCS Đông Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	3,60	
284	ĐẶNG VĂN HUY	HOÀNG	139 / 003127	THCS Liên Mạc	X. HÀ NAM	3,60	
285	ĐOÀN TRỌNG	NGHĨA	141 / 003183	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	3,60	
286	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	141 / 003184	TH-THCS Nhân Huệ	P. CHÍ LINH	3,60	
287	VŨ THỊ BẢO	AN	001 / 000004	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	3,50	
288	BÙI VĂN HẢI	DƯƠNG	002 / 000047	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	3,50	
289	TRẦN TUẤN	HUNG	005 / 000104	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	3,50	
290	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	LONG	006 / 000131	THCS Tân Hưng-Thị Trấn	X. VINH BẢO	3,50	
291	PHẠM MINH	QUANG	008 / 000188	THCS An Đông	P. AN HẢI	3,50	
292	PHẠM PHÚ	QUÝ	009 / 000191	THCS Tân Tiến	P. AN DƯƠNG	3,50	
293	CHU KHẮC MINH	VŨ	010 / 000225	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	3,50	
294	LÊ KHÁNH	DUY	137 / 003089	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	3,50	
295	TRẦN BÌNH	MINH	141 / 003176	THCS Thái Dương	X. THƯỢNG HỒNG	3,50	
296	VŨ ĐÌNH	MINH	141 / 003178	THCS Thanh Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BÀNG	3,50	
297	NGUYỄN LAN	NGỌC	141 / 003186	THCS Tân Quang	X. HỒNG CHÂU	3,50	
298	PHẠM HỮU	THANH	142 / 003210	THCS An Phượng	X. HÀ TÂY	3,50	
299	ĐỖ HƯƠNG	TRÀ	143 / 003226	THCS Lương Điền	X. CẨM GIANG	3,50	
300	HOÀNG NGỌC	BẢO	001 / 000021	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	3,45	
301	HOÀNG THU	HÀNG	004 / 000078	THCS Mỹ Đông	P. LÊ ÍCH MỘC	3,45	
302	LÊ MINH	KHÔI	005 / 000116	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	3,45	
303	BÙI PHƯƠNG	THẢO	009 / 000197	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	3,45	
304	NGUYỄN THỊ KIỀU	LY	141 / 003164	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	3,45	
305	PHAN HÀ THÀNH	ĐẠT	003 / 000060	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	3,35	
306	TRẦN LÂM	ANH	136 / 003066	THCS Tân Hương	X. VINH LAI	3,35	
307	NGUYỄN TRỌNG BẢO	LONG	140 / 003156	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÂN	3,35	
308	NGUYỄN NGỌC	MAI	141 / 003166	THCS Kim Định	X. AN THÀNH	3,35	
309	VŨ NHẬT	MINH	141 / 003179	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	3,35	
310	CAO KHANG	BẢO	001 / 000019	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	3,25	
311	PHẠM TIẾN	DŨNG	002 / 000042	THCS Đại Đông - Đông Phương	X. KIẾN MINH	3,25	
312	TRẦN THUY	DƯƠNG	003 / 000051	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	3,25	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
313	LÊ THU	HÀ	003 / 000071	THCS Đại Thắng	X. QUYẾT THẮNG	3,25	
314	CAO VĂN HOÀNG	HIỆP	004 / 000082	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	3,25	
315	TRẦN NGUYỄN MINH	HIẾU	004 / 000089	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	3,25	
316	LUU THỊ HUYỀN	LINH	006 / 000127	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	3,25	
317	VŨ HẢI	NAM	007 / 000160	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	3,25	
318	PHẠM THẢO	NHI	008 / 000171	THCS Tú Sơn	X. KIẾN HẢI	3,25	
319	MAI ĐĂNG	PHƯƠNG	008 / 000183	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	3,25	
320	PHẠM VĂN	TÀI	009 / 000193	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	3,25	
321	NGUYỄN HOÀNG	ANH	136 / 003051	THCS Sao Đỏ	P. CHU VĂN AN	3,25	
322	NGUYỄN VIỆT	ANH	136 / 003056	THCS Đức Chính	X. TUỆ TÍNH	3,25	
323	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	137 / 003082	THCS Hợp Tiến	X. HỢP TIẾN	3,25	
324	BÙI HẢI	NAM	141 / 003180	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	3,25	
325	PHAN VĂN	TOÀN	143 / 003225	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THỪA DỤ	3,25	
326	LƯƠNG ĐÌNH	TÙNG	144 / 003234	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	3,25	
327	TRẦN ANH	TÀI	009 / 000194	THCS Dương Quan	P. THỦY NGUYÊN	3,20	
328	TÔ ĐỨC	ANH	136 / 003063	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	3,20	
329	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	137 / 003071	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	3,20	
330	VŨ ANH	QUÂN	142 / 003201	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	3,20	
331	TRẦN HOÀNG VIỆT	ANH	001 / 000016	THCS Mỹ Đồng	P. LÊ ÍCH MỘC	3,10	
332	HOÀNG GIA	BẢO	001 / 000020	THCS Đa Phúc	P. HÙNG ĐẠO	3,10	
333	ĐỖ THÀNH	ĐỨC	003 / 000065	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	3,10	
334	LÊ NGUYỄN THÀNH	LÂM	006 / 000122	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	3,10	
335	ĐÌNH GIANG	LINH	006 / 000125	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	3,10	
336	PHẠM HIỀN	MAI	006 / 000134	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	3,10	
337	VŨ HOÀNG	MINH	007 / 000152	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	3,10	
338	BÙI KHÁNH	THỨ	009 / 000207	THCS Giang Biên	X. VINH THUẬN	3,10	
339	NGUYỄN ANH	THỨ	009 / 000208	TH-THCS Du Lễ	X. NGHI DƯƠNG	3,10	
340	ĐỒNG HẢI	BÌNH	137 / 003076	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	3,10	
341	ĐOÀN THỦY	LỰC	140 / 003162	THCS Quốc Tuấn	X. TRẦN PHÚ	3,10	
342	NGUYỄN ANH	THÁI	142 / 003206	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	3,10	
343	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	143 / 003212	THCS Thất Hùng	P. BẮC AN PHỤ	3,10	
344	NGUYỄN KHÁNH	THỨ	143 / 003221	THCS Lê Ninh	P. BẮC AN PHỤ	3,10	
345	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	143 / 003222	THCS Hà Kỳ	X. NGUYỄN GIÁP	3,10	
346	TRẦN THỊ THỦY	TIÊN	143 / 003223	THCS Thạch Lỗi	X. CẨM GIANG	3,10	
347	PHẠM BẢO	CHÂU	001 / 000023	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	3,00	
348	NGUYỄN BẢO	DUY	002 / 000045	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	3,00	
349	VŨ QUANG	ĐỨC	003 / 000067	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	3,00	
350	NGUYỄN ĐỨC	GIANG	003 / 000069	THCS Đại Thắng	X. QUYẾT THẮNG	3,00	
351	NGUYỄN ANH	MINH	006 / 000142	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	3,00	
352	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	008 / 000186	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	3,00	
353	PHẠM THU	THỦY	009 / 000205	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	3,00	
354	VŨ TIẾN	LUÂN	140 / 003160	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	3,00	
355	VŨ THỊ KIM	NGÂN	141 / 003181	THCS Quốc Tuấn	X. TRẦN PHÚ	3,00	
356	VŨ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	142 / 003194	THCS Vinh Hồng	X. KẾ SẮT	3,00	
357	PHẠM ĐOÀN	QUANG	142 / 003197	THCS Thất Hùng	P. BẮC AN PHỤ	3,00	
358	NGUYỄN THANH	TÂN	142 / 003204	THCS Quang Trung	X. LẠC PHƯỢNG	3,00	
359	ĐÀO HUY	THẮNG	143 / 003216	THCS Hồng Hưng	X. GIA PHÚC	3,00	
360	PHẠM THANH	TRÚC	143 / 003229	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	3,00	
361	NGUYỄN ANH	VŨ	144 / 003248	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÊ	3,00	
362	NGÔ VŨ NGỌC	MINH	006 / 000141	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	2,95	
363	PHẠM THỊ MAI	ANH	136 / 003061	THCS Hùng Thắng	X. KẾ SẮT	2,95	
364	VŨ MINH	TIẾN	143 / 003224	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	2,95	
365	ĐỖ HUYỀN	TRANG	143 / 003227	THCS Quyết Thắng	X. VINH LAI	2,95	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
366	NGUYỄN ĐỨC	ANH	001 / 000010	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	2,85	
367	BÙI TRUNG	DŨNG	002 / 000032	THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long	X. VĨNH THỊNH	2,85	
368	NGUYỄN MINH	DŨNG	002 / 000037	THCS Lê Hồng Phong	P. GIA VIÊN	2,85	
369	ĐÌNH VĂN	ĐOÀN	003 / 000064	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	2,85	
370	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	005 / 000103	THCS An Hòa	X. VĨNH HÒA	2,85	
371	LƯƠNG HOÀNG CHI	MAI	006 / 000133	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	2,85	
372	TRẦN HỒNG	ANH	136 / 003065	THCS Tân Hương	X. VĨNH LẠI	2,85	
373	NGUYỄN MINH	DŨNG	137 / 003086	THCS Tam Kỳ	X. KIM THÀNH	2,85	
374	LÊ ĐÌNH	DƯƠNG	138 / 003093	THCS Hợp Tiến	X. HỢP TIẾN	2,85	
375	NGUYỄN PHÚC	HẢI	139 / 003115	THCS Thượng Quận	P. TRẦN LIÊU	2,85	
376	PHẠM DUY	LINH	140 / 003152	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	2,85	
377	ĐÌNH HỮU	HÙNG	005 / 000101	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	2,75	
378	LÊ ÍCH TUẤN	KIỆT	005 / 000117	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	2,75	
379	ĐÀO NHƯ	NGUYỆT	007 / 000167	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	2,75	
380	PHẠM THỊ TUỒNG	NHƯ	008 / 000173	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	2,75	
381	NGUYỄN THẢO	CHI	137 / 003078	THCS Lạc Long	X. NAM AN PHỤ	2,75	
382	PHẠM THÀNH	DANH	137 / 003083	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	2,75	
383	NGUYỄN THẢO	VY	144 / 003250	THCS Hiến Thành	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	2,75	
384	NGUYỄN ĐỨC	ANH	001 / 000009	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	2,70	
385	NGUYỄN KHÁNH	HOÀNG	004 / 000092	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	2,70	
386	PHẠM DIỆU	LINH	140 / 003151	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	2,70	
387	PHẠM THÙY	DUNG	002 / 000030	TH-THCS Chiến Thắng	X. AN HUNG	2,60	
388	MAI THANH	HẰNG	004 / 000079	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	2,60	
389	LÊ THỊ VÂN	NHI	008 / 000170	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	2,60	
390	LƯU ĐÌNH	THUẬN	009 / 000203	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	2,60	
391	BÙI MINH	TRÍ	010 / 000213	THCS Thủy Đường	P. THỦY NGUYỄN	2,60	
392	NGUYỄN MINH	AN	136 / 003044	THCS Hà Thanh	X. NGUYỄN GIÁP	2,60	
393	NGUYỄN TRƯỜNG	HẢI	004 / 000077	THCS Đằng Hải	P. HẢI AN	2,50	
394	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	005 / 000107	THCS Hoàng Động	P. THIÊN HƯƠNG	2,50	
395	ĐOÀN THỊ NGỌC	MY	007 / 000153	THCS Hợp Thành	P. LÊ ÍCH MỘC	2,50	
396	NGUYỄN THỊ THẢO	MY	007 / 000154	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	2,50	
397	ĐỒNG TIẾN	PHƯƠNG	008 / 000182	THCS Hoa Động	P. THỦY NGUYỄN	2,50	
398	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	137 / 003068	THCS Hiệp Sơn	P. PHẠM SƯ MẠNH	2,50	
399	NGUYỄN GIA	BẢO	137 / 003072	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	2,50	
400	NGUYỄN CÔNG QUỐC	ĐẠT	138 / 003100	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	2,50	
401	TRẦN QUANG	HIẾU	139 / 003124	THCS Hoàng Tiến	P. TRẦN NHÂN TÔNG	2,50	
402	NGUYỄN TUẤN	MINH	141 / 003173	THCS An Sinh	P. PHẠM SƯ MẠNH	2,50	
403	LÊ HOÀNG	DŨNG	002 / 000035	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	2,45	
404	PHẠM KIM HOÀNG	ANH	136 / 003059	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	2,45	
405	DƯƠNG VŨ DIỆU	THẢO	009 / 000198	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	2,35	
406	LÊ THÀNH	ĐẠT	138 / 003099	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	2,35	
407	VŨ KHÁNH	HUYỀN	139 / 003137	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	2,35	
408	NGUYỄN BÙI	MINH	141 / 003171	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	2,35	
409	LÊ CHÍ	DŨNG	002 / 000034	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	2,30	
410	NGUYỄN ĐÌNH	MINH	006 / 000143	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	2,25	
411	ĐOÀN QUANG	TÙNG	010 / 000221	TH-THCS Tân Phong	X. KIẾN HẢI	2,25	
412	PHẠM QUANG	DŨNG	137 / 003087	THCS Thanh Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	2,25	
413	MẠC ANH	THÁI	142 / 003205	THCS An Sinh	P. PHẠM SƯ MẠNH	2,25	
414	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	001 / 000013	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	2,20	
415	ĐÀO MINH	HIẾU	004 / 000083	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	2,20	
416	VŨ VIỆT	HOÀN	139 / 003126	THCS Cẩm Đông	X. MAO ĐIỂN	2,20	
417	PHẠM NGUYỄN AN	KHANG	140 / 003139	THCS Cẩm Đông	X. MAO ĐIỂN	2,20	
418	PHẠM CHÍ	KIÊN	140 / 003147	THCS Cổ Bì	X. BÌNH GIANG	2,20	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
419	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	002 / 000038	THCS Quốc Tuấn	X. AN QUANG	2,10	
420	LUU THỊ KIỀU	DIỄM	137 / 003084	THCS Hồng Hưng	X. GIA PHÚC	2,10	
421	VŨ HÀ NAM	KHÁNH	140 / 003142	THCS ái Quốc	P. AÍ QUỐC	2,10	
422	NGUYỄN ĐỨC	MANH	141 / 003167	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	2,10	
423	ĐÀO HỒ THẢO	VY	144 / 003249	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	2,05	
424	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	140 / 003144	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÊ	2,00	
425	TRẦN ANH	MINH	141 / 003175	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	2,00	
426	TRẦN MINH	TÙNG	144 / 003238	THCS Thăng Long	X. NAM AN PHỤ	1,95	
427	PHẠM QUANG	VINH	144 / 003245	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	1,95	
428	BÙI VŨ QUANG	MINH	006 / 000136	THCS Bằng La	P. NAM ĐỒ SƠN	1,85	
429	LÊ DUY	KHÁNH	140 / 003140	THCS Thanh Quang	X. HÀ ĐÔNG	1,85	
430	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	140 / 003161	THCS Tân Hưng	P. TÂN HƯNG	1,85	
431	TRẦN KHÁNH	CHI	137 / 003080	THCS Thái Tân	X. THÁI TÂN	1,80	
432	NGUYỄN ĐỨC	DUY	137 / 003090	TH-THCS Nguyễn Đức Sáu	X. THÁI TÂN	1,75	
433	VŨ BẢO	NAM	007 / 000159	THCS An Hưng	P. HỒNG AN	1,60	
434	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	138 / 003109	THCS Đông Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	1,60	
435	TRẦN NGUYỄN THUY	DUƠNG	003 / 000050	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	1,45	
436	LÊ HOÀNG	GIANG	003 / 000068	THCS Đằng Hải	P. HẢI AN	1,45	

(Danh sách gồm: 436 thí sinh)

